

Số: 2100 /HT1-TKy

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 07 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Xi Măng VICEM Hà Tiên

- Mã chứng khoán: HT1
- Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 38368363 Fax: (028) 38361278
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Thanh Vượng

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên ký kết hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, cụ thể như sau:

- Tên đơn vị thực hiện kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
- Nội dung hợp đồng: Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên.
- Số hợp đồng: 0072/VN1A-HN-HĐ
- Ngày ký hợp đồng: 06/07/2023.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 06/07/2023 tại đường dẫn <https://www.hatien1.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD (để b/cáo);
- KTPC, TCKT;
- Lưu: VT, TKy Cty.

Tài liệu đính kèm:

- Hợp đồng kiểm toán
- Báo cáo tài chính năm 2023

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XI MĂNG
VICEM HÀ TIỀN
Nguyễn Thị Thanh Vượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **0012** /VN1A-HN-HĐ

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Luật Kiểm toán Độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ vào Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán; Chuẩn mực Việt Nam số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;

Căn cứ vào thỏa thuận đã được thống nhất giữa Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên và Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam về việc cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên.

Hợp đồng này được lập tại Hà Nội, bởi và giữa ("các Bên"):

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

Đại diện là : Ông Lưu Đình Cường
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Điện thoại: : 028 3836 8363
Fax: : 028 3836 1278
Địa chỉ: : 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Tài khoản : 119.00000.4406 – Ngân hàng Công Thương Việt Nam, chi nhánh TP.HCM
Mã số thuế : 0301446422

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Đại diện là : Ông Phạm Nam Phong
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
(Theo Thư ủy quyền số 006/VN1A-HN-UQ ngày 01/6/2023)
Điện thoại : 024 7105 0000
Fax : 024 6288 5678
Địa chỉ : Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Tài khoản : VND 9373597
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Mã số thuế : 01 001 12500



Điều 1: Nội dung dịch vụ

Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Bên A được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích báo cáo theo luật định.

Điều 2: Luật định và Chuẩn mực

2.1 Đối với dịch vụ kiểm toán

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, của báo cáo tài chính của Bên A được trình bày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do sai sót hoặc gian lận. Tuy nhiên, do bản chất của gian lận, một cuộc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện một cách hợp lý vẫn có thể sẽ không phát hiện được các sai sót trọng yếu. Vì vậy, cuộc kiểm toán được thiết lập để đạt được sự đảm bảo hợp lý, nhưng không tuyệt đối rằng báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán không nhằm phát hiện các sai sót và gian lận không mang tính trọng yếu đối với báo cáo tài chính cũng như không nhằm mục đích cung cấp một sự đảm bảo về hệ thống kiểm soát nội bộ hoặc phát hiện các vấn đề thiếu sót trong hệ thống kiểm soát nội bộ.

Việc đưa ra ý kiến kiểm toán cũng như việc trình bày ý kiến bằng văn bản của Bên B sẽ phụ thuộc vào tình hình thực tế tại ngày Bên B lập báo cáo. Nếu vì bất kỳ lý do nào mà Bên B không thể hoàn thành cuộc kiểm toán hoặc không thể đưa ra ý kiến kiểm toán thì Bên B sẽ thông báo bằng văn bản cho Ban Tổng Giám đốc Bên A.

2.2 Đối với dịch vụ soát xét

Mục tiêu của việc soát xét là cung cấp sự đảm bảo một cách tương đối về tính hợp lý của báo cáo tài chính của Bên A phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính của Bên A cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023. Việc soát xét sẽ hạn chế tại mức độ phỏng vấn các nhân sự của Bên A và soát xét phân tích ở mức tổng quát đối với các số liệu của báo cáo tài chính. Do vậy, việc soát xét sẽ không cung cấp sự đảm bảo về số liệu báo cáo tài chính bằng một cuộc kiểm toán và theo đó Bên B sẽ không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Bên A.

Điều 3: Trách nhiệm của các Bên

3.1 Trách nhiệm của Bên A

- a) Ban Tổng Giám đốc Bên A có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo đó, bên cạnh các trách nhiệm khác, Ban Tổng Giám đốc Bên A có trách nhiệm: (i) thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với việc lập báo cáo tài chính và thông báo cho Bên B những điểm yếu và thiếu sót trọng yếu phát hiện được trong quá trình thành lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc lập báo cáo tài chính, (ii) phát hiện và đảm bảo rằng Bên A tuân thủ theo các quy định hiện hành đối với mọi hoạt động của mình và thông báo với Bên B bất kỳ một trường hợp vi phạm pháp luật nào về việc lưu giữ và quản lý các chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu có liên quan một

cách an toàn, bí mật theo đúng quy định của Nhà nước, (iii) phản ánh các nghiệp vụ phát sinh một cách đúng đắn vào sổ sách kế toán, (iv) điều chỉnh báo cáo tài chính trong trường hợp có sai sót trọng yếu, (v) thực hiện các ước tính kế toán phù hợp, (vi) bảo vệ tài sản, (vii) đảm bảo cung cấp kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan cho Bên B và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của thông tin, tài liệu đã cung cấp, (viii) cung cấp cho Bên B các báo cáo tài chính đã được ký và đóng dấu xác nhận và (ix) bố trí nhân sự liên quan cùng hợp tác làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét.

- b) Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Bên A còn có trách nhiệm thiết lập và thực hiện các chương trình và các thủ tục kiểm soát nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và có trách nhiệm thông báo cho Bên B về những gian lận, đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ, có ảnh hưởng đến Bên A liên quan đến (i) Ban Tổng Giám đốc, (ii) những nhân viên có vai trò quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ, và (iii) các trường hợp khác có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Bên A cũng có trách nhiệm thông báo cho Bên B nguyên nhân của các gian lận đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ có ảnh hưởng đến Bên A mà Ban Tổng Giám đốc biết được qua trao đổi với nhân viên đang công tác, các nhân viên đã nghỉ việc, các nhà phân tích, các cơ quan Nhà nước hoặc những cá nhân khác.
- c) Bên B sẽ đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với Ban Tổng Giám đốc Bên A về các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Bên B sẽ yêu cầu Bên A cung cấp Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc, một trong những thủ tục của quy trình kiểm toán và soát xét, nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót và tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh trên báo cáo tài chính do Bên B tổng hợp trong quá trình kiểm toán và soát xét cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến kỳ hoạt động trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- d) Bên B cũng sẽ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam/Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến/kết luận của mình về báo cáo tài chính của Bên A. Vì tầm quan trọng của thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc, Bên A đồng ý miễn trừ và bảo đảm cho Bên B và các nhân viên của họ khỏi các khoản công nợ, các trách nhiệm pháp lý và các chi phí có liên quan đến dịch vụ quy định tại hợp đồng này phát sinh do việc giải trình sai của Ban Tổng Giám đốc Bên A.

3.2 Trách nhiệm của Bên B

- a) Bên B có trách nhiệm thực hiện công việc kiểm toán/soát xét theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam/Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và cung cấp cho Bên A báo cáo kiểm toán độc lập/báo cáo soát xét về báo cáo tài chính bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt của Bên A khi kết thúc công việc kiểm toán/soát xét.
- b) Bên B sẽ báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý thích hợp của Bên A về những vấn đề được chú ý trong quá trình kiểm toán và soát xét mà Bên B cho rằng là những “vấn đề thiếu sót”. “Vấn đề thiếu sót” là những vấn đề mà Bên B cho rằng cần phải thảo luận với Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý thích hợp của Bên A vì những vấn đề này thể hiện những thiếu sót trọng yếu trong việc thiết lập hoặc vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ có thể ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình ghi nhận, xử lý, và báo cáo các dữ liệu tài chính nhất quán với những xác nhận của Ban Tổng Giám đốc trên báo cáo tài chính.

- c) Nhằm tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, khi phát hiện ra các vi phạm trọng yếu, Bên B cũng sẽ trao đổi với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của Bên A (“Ban quản trị”) sớm nhất có thể và nếu Ban quản trị của Bên A không quy định khác thì các vi phạm không trọng yếu sẽ được Bên B trao đổi với Ban quản trị của Bên A trên cơ sở 6 tháng một lần.
- d) Bên B sẽ thông báo cho Bên A các tình huống có thể dẫn đến :
- Việc trì hoãn việc hoàn thành các công việc của Bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét;
 - Việc mở rộng phạm vi công việc; hoặc
 - Việc tăng phí cho khối lượng công việc.
- e) Bên B được yêu cầu, theo các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, phải công bố thông tin liên quan đến phí dịch vụ nếu thông tin đó chưa được Bên A công bố. Trước khi công bố, Bên B sẽ thảo luận với Ban Giám đốc Bên A về nội dung và cách thức công bố thông tin liên quan đến phí dịch vụ theo các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp có liên quan.
- f) Theo hợp đồng này, nếu Bên B biết những thông tin mật của Bên A, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một Bên thứ Ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc phù hợp với chuẩn mực nghiệp vụ đang được áp dụng, hoặc có quan hệ với các tranh chấp kiện cáo liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên thuộc một trong các trường hợp sau: (i) đã được phổ biến rộng rãi (bao gồm bất kỳ thông tin nào được nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước và được phổ biến rộng rãi) chứ không phải do Bên B vi phạm tiết lộ thông tin này, (ii) được công bố bởi Bên A đến Bên thứ Ba mà về cơ bản không có các hạn chế tương tự như được quy định trong hợp đồng này, (iii) được công bố đến Bên B từ một Bên thứ Ba mà Bên B tin rằng việc tiết lộ những thông tin này không vi phạm bất kỳ một điều khoản ràng buộc nào của Bên B với Bên A, (iv) thông tin được Bên B biết trước khi có công bố từ Bên A mà không có bất kỳ giới hạn bảo mật về thông tin như trên, hoặc (v) những thông tin Bên B tự tổng hợp được từ nguồn thông tin Bên A đã công bố cho Bên B.
- g) Bên B cam kết cung cấp dịch vụ với chất lượng cao. Nếu Bên A muốn thảo luận với Bên B về cách thức để có thể nâng cao chất lượng dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A vào bất kỳ thời điểm nào hoặc trong trường hợp Bên A không hài lòng với chất lượng dịch vụ mà Bên B đang cung cấp thì xin vui lòng liên hệ với Bên B. Đầu mối liên hệ chính của Bên B là ông Phạm Nam Phong tại địa chỉ nêu trên hoặc, nếu Bên A muốn liên hệ với một ai khác thì xin vui lòng liên lạc với ông Trần Huy Công là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kiểm toán – Văn phòng Hà Nội của Bên B. Bên B sẽ cân nhắc kỹ các vấn đề mà Bên B thấy cần quan tâm một cách kịp thời và liên hệ với Bên A để bàn phương án giải quyết vấn đề đó.

Điều 4: Báo cáo

4.1 Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán và soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Bảy (07) bản bằng tiếng Việt và ba (03) bản bằng tiếng Anh báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng và bảy (07) bản bằng tiếng Việt và ba (3) bản bằng tiếng Anh báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Bên A được lập phù hợp với các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét;
- Tám (08) bản bằng tiếng Việt và ba (03) bản bằng tiếng Anh báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính riêng và tám (08) bản bằng tiếng Việt và ba (03) bản bằng tiếng Anh báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính hợp nhất của Bên A cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2023, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam cùng Thư quản lý (nếu có) sẽ được gửi tới Ban Tổng Giám đốc Bên A.

4.2 Nếu Bên A dự định phát hành hoặc tái phát hành báo cáo của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin tham khảo đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét và như vậy sẽ liên quan đến Bên B bởi các tài liệu đó, Ban Tổng Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản thảo của tài liệu này để đọc và chỉ phát hành, phổ biến các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản. Việc sử dụng một phần hoặc tham khảo đến báo cáo của Bên B trong các tài liệu trên có nghĩa là Bên B sẽ phải phát hành lại báo cáo. Bên A cũng đảm bảo sẽ thông báo cho Bên B và phải được Bên B đồng ý bằng văn bản trước khi phổ biến báo cáo của Bên B trên bất kỳ hệ thống thông tin điện tử nào.

4.3 Cam kết của Bên B trong việc thực hiện các dịch vụ nêu trên không bao gồm việc đồng ý liên quan đến các tài liệu phát hành hoặc tái phát hành bởi hoặc thay mặt cho Bên A. Mọi yêu cầu của Bên A để tái phát hành báo cáo của Bên B hoặc tham khảo báo cáo của Bên B trong các thư chào hàng, các tài liệu hoặc việc phổ biến trên hệ thống thông tin điện tử sẽ được xem xét trên cơ sở tình hình thực tế tại thời điểm được yêu cầu. Phí dịch vụ đưa ra trong hợp đồng này không bao gồm bất kỳ dịch vụ nào liên quan tới những yêu cầu trên. Phí của các dịch vụ theo yêu cầu nêu trên được thực hiện bởi Bên B (cũng như phạm vi của dịch vụ) sẽ do hai bên thỏa thuận và sẽ được trình bày trong một hợp đồng khác hoặc bằng một thỏa thuận riêng.

Điều 5: Sửa đổi và diễn giải mang tính hồi tố

Kết quả kiểm toán và soát xét của Bên B dựa trên các diễn giải của Bên A về các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực, mà các diễn giải này có thể khác với cách diễn giải các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực của các cơ quan đại diện luật pháp hay các cơ quan khác sau đó. Do đó, khả năng phải điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong tương lai là không thể tránh khỏi. Rủi ro này được Bên A xác nhận.

Điều 6: Kế hoạch thực hiện kiểm toán và soát xét

Bên B dự tính sẽ lập kế hoạch thực hiện soát xét và kiểm toán như sau:

	Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện	Thời gian dự kiến kết thúc
Giai đoạn	Kế hoạch thực hiện soát xét và kiểm toán:	
1:	toán:	
Lập kế hoạch	Tháng 7/2023	Tháng 7/2023
Thực hiện soát xét 6 tháng đầu năm 2023	Tháng 7/2023	Tháng 7/2023
Quan sát kiểm kê tiền mặt, tồn kho, TSCĐ cuối năm	31/12/2023	01/01/2024
Thực hiện các thủ tục kiểm toán sơ bộ	07/11/2023	10/11/2023
Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm	09/01/2024	18/01/2024
Giai đoạn	Lập báo cáo:	
2:		
Dự thảo báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm		25/7/2023
Báo cáo soát xét chính thức 6 tháng đầu năm		10/8/2023
Dự thảo báo cáo kiểm toán độc lập cuối năm		01/3/2024
Báo cáo kiểm toán độc lập chính thức cuối năm		10/3/2024
Thư quản lý (nếu có)		22/3/2024

Điều 7: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

- 7.1 Phí dịch vụ cho các phạm vi dịch vụ đã thống nhất tại Điều 1 của hợp đồng này, được tính toán trên cơ sở trách nhiệm, kinh nghiệm và thời gian cần thiết để thực hiện công việc, cụ thể như sau:

Mức phí chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của từng thời kỳ và chưa bao gồm phụ phí là **927.000.000** đồng Việt Nam (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi bảy triệu đồng Việt Nam).

7.2 Phụ phí

Phụ phí, chưa bao gồm trong mức phí nêu trên, có thể bao gồm các chi phí đi lại, lưu trú, in ấn, điện thoại, fax, thư tín, phí xác nhận số dư ngân hàng...

7.3 Điều khoản thanh toán

- a) Bên B sẽ phát hành hóa đơn thuế GTGT như sau:

Ngày phát hành hóa đơn và thanh toán dịch vụ được chia thành các đợt như sau

Đợt 1: Ngay sau ký hợp đồng dịch vụ	30%
Đợt 2: Khi bắt đầu công việc kiểm toán cuối năm	30%
Đợt 3: Sau khi phát hành báo cáo kiểm toán chính thức về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Thư quản lý (nếu có)	40%

- b) Các hóa đơn thuế GTGT của Bên B sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát hành. Bên A sẽ thanh toán trong vòng 15 ngày sau khi nhận được bản chính các chứng từ thanh toán theo từng đợt như sau :

Đợt 1: Hóa đơn giá trị gia tăng và Giấy đề nghị thanh toán

Đợt 2: Hóa đơn giá trị gia tăng và Giấy đề nghị thanh toán

Đợt 3: Hóa đơn giá trị gia tăng và Giấy đề nghị thanh toán; Báo cáo kiểm toán chính thức được Bên A chấp thuận, Thư quản lý (nếu có); Bảng kê chi phí đã chi hộ (nếu có) do Bên B phát hành.

- c) Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B bằng đồng Việt Nam

- 7.4 Mức phí trên được tính dựa trên các giả định sau: (i) Bên A cung cấp kịp thời và đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Bên B, (ii) không có bất kỳ sự chậm trễ nào trong suốt quá trình kiểm toán và soát xét hoặc thay đổi phạm vi kiểm toán và soát xét bởi những sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Bên B, (iii) hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả trong suốt giai đoạn được kiểm toán và soát xét, (iv) chỉ phát sinh những điều chỉnh không đáng kể trong quá trình kiểm toán và soát xét (được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh), (v) kế hoạch thời gian và khối lượng công việc của Bên B đã được ước tính hợp lý, và (vi) Bên A chi trả kịp thời các hoá đơn mà Bên B đã phát hành. Bên B sẽ thông báo kịp thời bất kỳ một trường hợp nào có ảnh hưởng nghiêm trọng tới các ước tính này do các vấn đề về công tác hậu cần và các vấn đề khác trình bày dưới đây và sẽ thỏa thuận với Ban Tổng Giám đốc Bên A bất kỳ một khoản phí phát sinh thêm nào, nếu có.

7.5 Vấn đề về công tác hậu cần

- (a) Những thay đổi trong kế hoạch kiểm toán và soát xét theo yêu cầu của Bên A. Việc thay đổi kế hoạch thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét thường dẫn đến thay đổi trong nhân sự thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét của Bên B. Tuy nhiên, do việc phân công nhân viên khác thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét thực tế không dễ dàng, việc thay đổi này có thể dẫn tới việc phát sinh một số chi phí phụ khá lớn.
- (b) Toàn bộ các tài liệu kiểm toán và soát xét (i) không được Bên A cung cấp kịp thời theo yêu cầu của Bên B (ii) không được Bên A cung cấp theo các mẫu biểu mà Bên B chấp nhận (iii) không chính xác về mặt số liệu, hoặc (iv) không phù hợp với các ghi chép kế toán của Bên A (ví dụ như sổ kế toán tổng hợp). Bên B sẽ gửi đến Bên A danh sách các tài liệu cần có để thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét, các thông tin cần thiết và thời gian các tài liệu đó cần được cung cấp cho Bên B.
- (c) Chậm trễ trong việc phúc đáp các yêu cầu cung cấp thông tin của Bên B ví dụ như đối chiếu các số chênh lệch hoặc cung cấp chứng từ cần thiết (ví dụ như hoá đơn, hợp đồng và các chứng từ khác).
- (d) Chất lượng các ghi chép kế toán của Bên A trong năm nay giảm so với năm trước.
- (e) Bên A không cung cấp kịp thời cho Bên B bảng cân đối kế toán hoàn chỉnh có tham chiếu tới các phân tích, tài liệu và báo cáo tài chính.
- (f) Nhân viên của Bên A không lập báo cáo tài chính chưa kiểm toán/chưa soát xét và chứng từ kế toán một cách hợp lý và kịp thời.
- (g) Bên A không kịp thời cung cấp cho Bên B các tài liệu kế toán điện tử được lập một cách phù hợp và các thông tin yêu cầu để phục vụ quá trình phỏng vấn của Bên B. Bên B sẽ cung cấp cho Bên A danh sách và thời gian cần cung cấp các tài liệu này.
- (h) Trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét tại văn phòng Bên A, nhóm thực hiện kiểm toán và soát xét của Bên B không kết nối Internet tốc độ cao được qua mạng máy tính hiện có tại văn phòng Bên A hoặc qua mạng DSL cho mục đích thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét.
- (i) Bên A không cung cấp hoặc cung cấp tài liệu không phù hợp cho Bên B như đã được thỏa thuận trước.

7.6 Các vấn đề khác

- (a) Các vấn đề thiếu sót được phát hiện trong hệ thống kiểm soát của Bên A có thể dẫn đến việc phải thực hiện thêm các thủ tục kiểm toán và soát xét.
- (b) Có nhiều bút toán điều chỉnh trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét.
- (c) Có nhiều dự thảo báo cáo tài chính chưa kiểm toán/chưa soát xét được cung cấp cho Bên B để kiểm toán/soát xét hoặc Bên B phát hiện được nhiều thiếu sót trong báo cáo tài chính dự thảo.
- (d) Các vấn đề khác, ví dụ:
 - Các vấn đề kế toán mới và trọng yếu;
 - Thay đổi lớn trong các chính sách kế toán hoặc hoạt động kế toán so với năm trước;
 - Thay đổi lớn hoặc phát sinh các giao dịch không có trong dự tính của Bên B;
 - Thay đổi lớn trong quy trình báo cáo tài chính của Bên A hoặc trong hệ thống công nghệ thông tin của Bên A;

- Thay đổi lớn trong nhân sự thực hiện công tác kế toán của Bên A, trách nhiệm và thời gian tham gia vào cuộc kiểm toán của các cá nhân này;
- Thay đổi lớn liên quan đến việc sử dụng các chuyên gia của Bên A hoặc công việc của họ không đáp ứng được các tiêu chuẩn nghề nghiệp theo các chuẩn mực kiểm toán hoặc không phải là cơ sở đáng tin cậy cho mục đích kiểm toán và soát xét;
- Thay đổi trong phạm vi thực hiện kiểm toán và soát xét do các yếu tố mà Bên B không thể kiểm soát được.

Điều 8: Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

- 8.1 Nếu hợp đồng bị chấm dứt vì lý do nào đó thì Bên A nhất trí rằng Bên B sẽ được hưởng mức phí hợp lý tương xứng với phần công việc Bên B đã thực hiện và tham gia vào hợp đồng này tính đến ngày ngừng cung cấp dịch vụ theo quy định của hợp đồng này.
- 8.2 Nếu Bên A vi phạm hợp đồng mà vi phạm đó làm cản trở việc hoàn thành dịch vụ của Bên B hoặc tạo ra rủi ro tiềm tàng cho Bên B thì tùy mức độ Bên B có thể chủ động chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Bên B cũng có thể chủ động chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu xảy ra tình huống mà pháp luật hoặc các chuẩn mực kiểm toán/soát xét khuyến cáo rằng khi xảy ra tình huống đó doanh nghiệp kiểm toán/kiểm toán viên cần nhắc, xem xét rút lui khỏi cuộc kiểm toán/soát xét. Trong các trường hợp này, khi chấm dứt Bên B đều phải thông báo và giải trình lý do, căn cứ cho Bên A được biết. Khi chấm dứt vì các tình huống này, Bên B sẽ được nhận phí dịch vụ tương ứng với phần công việc đã đảm nhận và không phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ hệ quả nào phát sinh từ việc chấm dứt này.
- 8.3 Nếu Bên B chấm dứt hợp đồng kiểm toán/soát xét hoặc rút lui khỏi cuộc kiểm toán/soát xét này do hoặc có liên quan đến hành vi gian lận, dụng ý xấu hoặc hành vi sai trái có chủ ý của Bên B, Bên B sẽ phải chịu toàn bộ trách nhiệm có thể phát sinh do hệ quả của hành động này gây ra.

Điều 9: Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác cung cấp ngoài các dịch vụ được nêu tại Điều 1 sẽ được tính riêng. Trong trường hợp Bên A cần Bên B cung cấp dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ kiểm toán và soát xét, nội dung các dịch vụ này sẽ được trình bày tại Phụ lục hợp đồng kèm theo. Các dịch vụ không liên quan đến dịch vụ kiểm toán và soát xét sẽ được trình bày trong một hợp đồng riêng.

Điều 10: Chống tham nhũng

Bên B hiểu rằng Bên A phải tuân thủ luật pháp về việc không được hối lộ và/hoặc biếu tặng bất kỳ thứ gì có giá trị cho các công chức Nhà nước với ý định gây ảnh hưởng đến cá nhân đó để có lợi cho Bên A. Bên B cũng phải tuân thủ các quy định tương tự theo luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra, Bên B cũng có các chính sách và quy trình nội bộ riêng để ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức. Trong quá trình cung cấp dịch vụ, Bên B cam kết không đề nghị, hứa hẹn hoặc đưa ra các lợi ích tài chính hoặc bất kỳ lợi ích nào khác cho người khác với ý định khiến họ thực hiện các hành vi sai trái hoặc khuyến khích các hành vi sai trái vì lợi ích của Bên A. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên A và Bên B cam kết đã đọc, hiểu và đồng ý với Chính sách phòng chống hối lộ và tham nhũng. Chính sách này có thể được xem tại <https://www2.deloitte.com/vn/en/pages/about-deloitte/articles/ethics-compliance.html>

Điều 11: Các vấn đề về tính độc lập liên quan đến Lợi ích tài chính, Cung cấp một số dịch vụ nhất định và Tuyển dụng

- 11.1 Liên quan đến dịch vụ Bên B cung cấp theo hợp đồng này thì Bên B, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị của Bên A có vai trò và trách nhiệm hỗ trợ Bên B duy trì tính độc lập và đảm bảo tuân thủ luật pháp và các quy định có liên quan. Bên B sẽ trao đổi với các thành viên Ban Giám đốc, các nhân sự chủ chốt và nhân viên của mình rằng Bên A là một khách hàng kiểm toán. Ban Tổng Giám đốc của Bên A phải đảm bảo rằng Bên A, cùng với các công ty con và các đơn vị thành viên khác của Bên A liên quan đến mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, có các chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo rằng Bên A cũng như bất kỳ công ty con hoặc đơn vị thành viên nào khác sẽ không ký hợp đồng hay chấp thuận bất cứ dịch vụ nào khác từ Bên B mà theo quy định hiện hành có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B. Tất cả các dịch vụ tiềm năng sẽ được thảo luận với Ông Phạm Nam Phong – Phó Tổng Giám đốc. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Bên A cần thông báo ngay cho Hội đồng Quản trị về bất kỳ vi phạm hoặc vi phạm tiềm tàng có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của dịch vụ được cung cấp theo hợp đồng này và đảm bảo rằng Hội đồng Quản trị phải phê duyệt việc chấp thuận các dịch vụ khác của Bên B đã tuân thủ các yêu cầu về tính độc lập trước khi Bên B bắt đầu thực hiện các dịch vụ đó.
- 11.2 Liên quan đến các vấn đề nêu trên, Bên A đồng ý cung cấp và cập nhật cho Bên B thông tin về (i) sơ đồ tổ chức doanh nghiệp trong đó xác định tên pháp lý của các đơn vị thành viên trong cùng tập đoàn với Bên A (ví dụ: các công ty mẹ, các công ty con, các nhà đầu tư hoặc các đơn vị nhận đầu tư), và mối quan hệ sở hữu giữa các đơn vị đó và (ii) bất kỳ khoản vốn hoặc chứng khoán nợ nào của Bên A và các đơn vị thành viên trong cùng tập đoàn sẵn sàng để bán cho các nhà đầu tư cá nhân (thông qua hình thức cổ phiếu, trái phiếu, hàng hóa, hợp đồng tương lai hoặc thị trường tương tự, hoặc vốn, nợ hoặc bất kỳ các hình thức phát hành chứng khoán nào khác), cùng với thông tin nhận diện chứng khoán liên quan (ví dụ: ký hiệu hoặc số CUSIP®, ISIN® hay SEDOL®). Bên A xác nhận và đồng ý rằng thông tin đó có thể được Bên B sử dụng như là thông tin sẵn có trong cơ sở dữ liệu công cộng.
- 11.3 Nhằm tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, Bên B cần phải có được sự đồng ý của Ban Quản trị của Bên A trước khi cung cấp bất kỳ dịch vụ phi đảm bảo nào cho Bên A, công ty mẹ của Bên A và các đơn vị mà Bên A trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc Bên A phải đảm bảo rằng Bên A có các chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo rằng Bên A sẽ không ký hợp đồng hay chấp thuận bất cứ dịch vụ phi đảm bảo chưa được phê duyệt từ Bên B mà theo quy định hiện hành có thể ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B.
- 11.4 Ban Tổng Giám đốc sẽ phối hợp với Bên B để đảm bảo rằng tính độc lập của Bên B không bị suy giảm bởi việc tuyển dụng các thành viên Ban Giám đốc, các nhân sự chủ chốt hoặc nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B vào các vị trí nhất định. Ban Tổng Giám đốc Bên A sẽ đảm bảo rằng Bên A, cùng với các công ty con và các đơn vị khác trực thuộc Bên A cho các mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất, cũng có các chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo rằng tính độc lập của Bên B sẽ không bị suy giảm bởi việc tuyển dụng các thành viên Ban Giám đốc, nhân sự chủ chốt hoặc nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B cho các vị trí kế toán hoặc vị trí giám sát lập báo cáo tài chính mà có thể vi phạm luật pháp và quy định liên quan. Bất kỳ cơ hội việc làm nào tại Bên A dành cho các thành viên Ban Giám đốc, các nhân sự chủ chốt hoặc nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B nên được trao đổi với Ông Phạm Nam Phong – Phó Tổng Giám đốc trước khi chính thức thảo luận với các thành viên Ban Giám đốc, nhân sự chủ chốt hoặc nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B, nếu các vị trí đó là (i) Tổng giám đốc, Chủ tịch, Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành, người đứng đầu bộ phận pháp chế, kế toán trưởng, kiểm soát viên, giám đốc kiểm toán nội bộ, giám đốc phụ trách lập báo cáo tài chính, thủ quỹ hoặc bất kỳ vị trí tương đương nào tại Bên A hoặc ở vị trí tương đương tại một công ty con chủ chốt của Bên A; (ii) thành viên Hội đồng Quản trị của Bên A hoặc ban điều hành hoặc cơ quan quản lý tương đương; (iii) là thành viên của Ủy ban

Kiểm toán; hoặc (iv) kế toán hoặc bất kỳ vị trí nào khác mà có thể vi phạm luật pháp và quy định có liên quan.

- 11.5 Đối với các đoạn nêu trên thuộc Điều này, “Bên B” có nghĩa là Bên B, Deloitte Đông Nam Á và các đơn vị trực thuộc, Deloitte Châu Á Thái Bình Dương và các đơn vị trực thuộc, Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên; và trong tất cả các trường hợp, bất kỳ đơn vị kế nhiệm hoặc được ủy nhiệm nào.

Điều 12: Giới hạn trách nhiệm và bồi thường

- 12.1 Bên A đồng ý rằng mọi trách nhiệm của Bên B, các thành viên Ban Giám đốc, các giám đốc nghiệp vụ, nhân viên hay các đơn vị liên quan của Bên B đối với bất kỳ thiệt hại nào mà Bên A phải gánh chịu phát sinh liên quan đến hợp đồng, các dịch vụ hoặc công việc cho mục đích thực hiện hợp đồng, do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (bao gồm sự bất cẩn của Bên B nhưng không bao gồm những hành vi cố ý của Bên B), nếu được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, sẽ chỉ giới hạn trong khoản phí mà Bên B nhận được tương xứng với phần dịch vụ hay sản phẩm công việc làm phát sinh trách nhiệm này.
- 12.2 Bên A đồng ý bảo đảm và bảo vệ Bên B, các thành viên Ban Giám đốc, các giám đốc nghiệp vụ, nhân viên và các đơn vị liên quan của Bên B khỏi, và đối với, bất kỳ và toàn bộ các chi phí, tổn thất, khiếu nại, yêu sách, kiện tụng, kiện cáo hay chi phí kiện tụng đã trả, đã phát sinh, hay đã chấp nhận (tùy thuộc từng tình huống cụ thể), do một bên thứ ba khởi kiện Bên B mà việc khởi kiện đó có liên quan đến hợp đồng này, hoặc liên quan đến việc sử dụng báo cáo kiểm toán và soát xét do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (trừ trường hợp do hành vi gian lận hay hành vi sai trái cố ý của Bên B).
- 12.3 Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Bên A về các tổn thất, chi phí, thiệt hại nếu các thông tin mang tính trọng yếu đối với các dịch vụ được thực hiện trong hợp đồng này bị bên thứ ba cung cấp thiếu, từ chối cung cấp, che đậy, cung cấp thông tin không đúng, không chính xác hoặc giải trình sai đối với Bên B.
- 12.4 Bên B không chịu trách nhiệm đối với bất cứ bên nào liên quan đến báo cáo kiểm toán độc lập/báo cáo soát xét hay bất kỳ sự tin cậy nào vào các báo cáo này ngoại trừ trong trường hợp được pháp luật quy định rõ ràng (và trong trường hợp đó cũng tùy thuộc vào điều khoản giới hạn trên).

Điều 13: Những thuật ngữ chung

- 13.1 Nhà thầu độc lập: Bên B được hiểu thống nhất là một nhà thầu độc lập. Bên B không được coi và sẽ không được coi là một đại lý, một hội viên, một thành viên liên danh, thành viên hợp danh, một người ủy thác hay đại diện của Bên A hay của Hội đồng Quản trị của Bên A hoặc các cấp tương đương trong bộ máy quản lý của Bên A.
- 13.2 Sở hữu giấy tờ làm việc: Giấy tờ làm việc được lập trong quá trình Bên B thực hiện công việc là tài sản của Bên B. Các giấy tờ này là các thông tin mật và thuộc quyền sở hữu của Bên B và được Bên B lưu trữ theo quy định và thủ tục của Bên B theo từng thời kỳ.
- 13.3 Sử dụng internet: Các Bên xác nhận rằng:
- (a) Các Bên có thể liên lạc hoặc trao đổi tài liệu qua thư điện tử và/hoặc qua internet trừ phi một trong hai Bên có các yêu cầu khác; và
 - (b) Mạng Internet có bản chất không an toàn và dữ liệu có thể bị hỏng, thông tin liên lạc có thể không được trao đổi kịp thời (hoặc không trao đổi được) và các phương thức liên lạc khác có thể sẽ phù hợp hơn. Các Bên chấp nhận các rủi ro tiềm tàng bao gồm

rủi ro liên lạc bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp, bị vi-rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác tấn công. Mỗi Bên phải chịu trách nhiệm bảo vệ các hệ thống và lợi ích của mình và, trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bên còn lại trên bất kỳ cơ sở nào (hợp đồng, trách nhiệm dân sự, hoặc hình thức khác) đối với bất kỳ mất mát, thiệt hại hoặc thiếu sót nào dưới bất kỳ hình thức nào phát sinh từ việc sử dụng mạng Internet hoặc từ việc truy cập của bất kỳ nhân sự nào của Bên B đối với các mạng, ứng dụng, dữ liệu điện tử hoặc các hệ thống khác của Bên A và tập đoàn của Bên A.

13.4 Giải trình và đảm bảo: Mỗi Bên giải trình và cam kết bảo đảm thực hiện với Bên kia các vấn đề sau:

- (a) Mỗi Bên là một đơn vị tồn tại thực sự và được thành lập hợp pháp, có đủ quyền hạn để thực hiện công việc kinh doanh như hiện tại, ký kết và thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, và tuân thủ toàn bộ các yêu cầu do luật pháp quy định cũng như các yêu cầu khác liên quan đến công việc kinh doanh của mình; và
- (b) Mỗi Bên có đầy đủ quyền lợi, quyền hạn và năng lực pháp lý để ký kết và ràng buộc vào Hợp đồng này.

13.5 Cam kết và trường hợp bất khả kháng: Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản nêu trên. Trong trường hợp gặp khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng, cả hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Không một Bên nào bị xem là vi phạm trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết hay phát sinh nghĩa vụ với Bên kia nếu một Bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do hậu quả của các sự kiện khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của mình. Trong trường hợp có một Bên bị ảnh hưởng bởi các sự kiện này, Bên đó phải có nghĩa vụ thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất có thể thực hiện được một cách hợp lý nhằm giúp Bên được thông báo có thể lựa chọn tạm ngừng hoặc đình chỉ hoặc hủy bỏ Hợp đồng bằng cách ra thông báo với hiệu lực ngay lập tức.

13.6 Giải quyết tranh chấp: Bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết trước tiên thông qua thương lượng, hòa giải. Các Bên cùng thống nhất giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này thông qua hòa giải một cách thiện chí tại Trung tâm Hòa giải Thương mại Quốc tế Việt Nam (VICMC) theo Quy tắc hòa giải của Trung tâm này. Các Bên sẽ bị ràng buộc bởi thỏa thuận giải quyết tranh chấp đạt được từ tiến trình hòa giải. Nếu các Bên không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan tới hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này và quyết định giải quyết của VIAC là quyết định cuối cùng các Bên phải tuân thủ.

13.7 Chuyển giao trách nhiệm: Ngoại trừ những điều dưới đây, không một Bên nào được phân công, chuyển giao hoặc ủy quyền quyền lợi và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn, quyền lợi hoặc những khiếu kiện liên quan đến hợp đồng này) mà không được sự đồng ý chính thức bằng văn bản của các bên còn lại.

13.8 Cung cấp thông tin: Bên A đồng ý cho phép Bên B cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến các dịch vụ đề cập trong hợp đồng này cho mục đích soạn thảo thư chào hàng hoặc soạn thảo các tài liệu quảng cáo nói chung, với điều kiện là:

- (a) Đối với soạn thảo thư chào hàng, Bên B chỉ được phép cung cấp tên của Bên A và diễn giải vắn tắt mô tả nội dung công việc, và
- (b) Đối với soạn thảo các tài liệu quảng cáo chung, Bên B phải được sự đồng ý cụ thể của Bên A trước khi phát hành các tài liệu này.

13.9 Bảo vệ Dữ liệu.

- a) Mỗi bên sẽ tuân thủ nghĩa vụ tương ứng của mình theo tất cả các luật và quy định về bảo vệ Dữ liệu như quy định của hợp đồng này và dịch vụ cung cấp khi Bên đó thu thập, tiếp cận, lưu trữ, xử lý, sử dụng và/hoặc chuyển bất kỳ dữ liệu nào (bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin bảo mật hoặc thông tin cá nhân) thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu.
- b) Trừ khi bị cấm theo quy định của luật hiện hành, Bên A đồng ý rằng Bên B có thể sử dụng các Công ty Deloitte khác và các bên thứ ba (gọi chung là, “bên nhận”) ở bất cứ đâu để lưu trữ và xử lý các thông tin nhận được từ Bên A hoặc các đại diện của Bên A; với điều kiện các bên nhận đó phải bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ bảo mật thông tin như các nghĩa vụ bảo mật thông tin được quy định trong hợp đồng này.

13.10 Cơ cấu của Hãng Deloitte:

- a) Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là công ty trực thuộc Deloitte Đông Nam Á (“DSEA”), một thành viên của Deloitte Châu Á Thái Bình Dương và Mạng lưới Deloitte. Tên “Deloitte” và/hoặc “Mạng lưới Deloitte” được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited (“DTTL”), mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu và các công ty thành viên. DTTL (hay “Deloitte Toàn cầu”) và mỗi hãng thành viên của DTTL và mỗi công ty con của hãng thành viên là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. DTTL hoặc mỗi hãng thành viên của DTTL hoặc mỗi công ty con của hãng thành viên sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các khoản công nợ, nghĩa vụ, hành động hoặc sự bất cẩn của các bên còn lại. Mỗi hãng thành viên của DTTL và mỗi công ty thành viên hoặc công ty con sẽ đóng vai trò là các pháp nhân độc lập hoạt động dưới tên gọi ‘Deloitte’, ‘Deloitte & Touche’, ‘Deloitte Touche Tohmatsu’ hoặc các tên gọi tương tự; các dịch vụ sẽ do các hãng thành viên hoặc các công ty thành viên hoặc công ty con của các hãng thành viên này cung cấp. DTTL không trực tiếp cung cấp các dịch vụ này.
- b) Hợp đồng này chỉ được lập giữa Bên A và Bên B (Deloitte Việt Nam). Trong quá trình cung cấp dịch vụ, Deloitte Việt Nam hay Bên B được tùy ý sử dụng nguồn lực của các hãng thành viên khác của DTTL, các công ty hợp danh, công ty, hoặc các công ty thành viên, công ty con bao gồm nguồn lực của các thành viên khác của DSEA (gọi chung là “các Công ty thuộc Deloitte”). Bất kỳ thành viên Ban Giám đốc, Giám đốc nghiệp vụ hoặc nhân viên nào tại các Công ty thuộc Deloitte có làm việc với Bên A liên quan đến dịch vụ mà Bên B cung cấp đều sẽ làm việc với Bên A chỉ với tư cách đại diện cho Bên B. Bên B chịu trách nhiệm đối với hành động của thành viên Ban Giám đốc, Giám đốc nghiệp vụ, nhân viên của bất kỳ Công ty khác thuộc Deloitte liên quan đến việc hỗ trợ cung cấp dịch vụ của bên B như trình bày trong hợp đồng này.
- c) Các quy định nêu ở hai đoạn liền kề phía trên do Bên B ban hành nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của các Công ty thuộc Deloitte, các thành viên Ban Giám đốc, các Giám đốc nghiệp vụ, nhân viên của họ (gọi chung là “Bên thụ hưởng”). Bên A nhất trí rằng Bên B thụ hưởng được quyền áp dụng các nội dung được đề cập ở đoạn trên đây giống như các bên của hợp đồng này. Mỗi Công ty khác thuộc Deloitte tham gia trợ giúp Bên B trong việc cung cấp dịch vụ đều sẽ được phép áp dụng quyền bảo hộ như đã quy định trong các đoạn trên đây mà Bên B là bên đứng ra đại diện cho họ.

00-C
TY
ẤN
TE
AM
P HẢ
11/2/2024

Điều 14: Hiệu lực và ngôn ngữ của hợp đồng

- 14.1 Hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký của hai bên cho đến khi Bên B hoàn thành dịch vụ hoặc khi có thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng của cả hai Bên. Trong trường hợp hai bên ký tại hai thời điểm khác nhau, thời điểm đến sau sẽ được tính là ngày bắt đầu có hiệu lực của hợp đồng (trừ khi có thỏa thuận khác). Hợp đồng sẽ mặc nhiên thanh lý khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng này.
- 14.2 Hợp đồng này là toàn bộ những thỏa thuận giữa Bên A và Bên B và thay thế cho tất cả các thỏa thuận hiện tại và trước đây bằng văn bản hay không bằng văn bản liên quan đến hợp đồng này của hai Bên. Hợp đồng này thiết lập sự thỏa thuận tổng thể và sự hiểu biết giữa các Bên về các nội dung trong hợp đồng. Mọi thay đổi trong nội dung của hợp đồng này phải được lập bằng văn bản với hình thức tương tự như hợp đồng này (trừ khi có thỏa thuận khác) và chỉ có hiệu lực sau khi được ký bởi đại diện của hai Bên (trừ khi có thỏa thuận khác). Mỗi điều khoản trong hợp đồng này tồn tại một cách riêng biệt và độc lập. Nếu bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng này bị vô hiệu hoặc không thể thi hành được theo phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền, thì các điều khoản còn lại của hợp đồng vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực.
- 14.3 Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng Tiếng Việt có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ một bản gốc.

Thay mặt và đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM



Ông Phạm Nam Phong
Phó Tổng Giám đốc
Ngày ký: 06/07/2023

Thay mặt và đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN



Ông Lưu Đình Cường
Tổng Giám đốc
Ngày ký: 06/07/2023